

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 13 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngà

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2019/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Thị H (tên gọi khác: không), sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn N, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Minh C và con bà Phùng Thị Đ đều sinh năm 1949; có chồng Đỗ Xuân H (đã chết) và có 02 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/9/2019 đến ngày 04/10/2019 được tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 44, phường Y, thành phố I, tỉnh I (có mặt);

2. Anh Lê Kế Ê, sinh năm 1970; trú tại: Thôn Â, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thị H được Phòng tài chính kế hoạch thành phố V cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề: Kinh doanh vật liệu xây dựng ... dịch vụ cầm đồ. Ngày 09/7/2019, khi Lương Thị H đang ở nhà đồng thời cũng là

hiệu cầm đồ của H tại thôn Nam, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc thì anh Lê Kế Ê điều khiển xe ô tô BKS 88A-176.47 đến gặp H đặt vấn đề vay 120.000.000đ để giải quyết công việc gia đình. Lương Thị H đã đồng ý cho anh Ê vay số tiền trên nhưng yêu cầu phải có tài sản đảm bảo thì anh Ê nói sẽ cầm cổ xe ô tô BKS 88A-176.47. Sau khi thỏa thuận, H đồng ý cho anh Ê cầm cổ xe ô tô BKS 88A-176.47 để vay 120.000.000đ, trong thời hạn 07 ngày (từ ngày 09/7/2019 đến ngày 15/7/2019), lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương với lãi suất là 146%/năm), hết thời hạn vay sẽ tiền trả tiền gốc và tiền lãi. Lương Thị H yêu cầu anh Ê viết giấy vay tiền thể hiện các nội dung thỏa thuận trên, tuy nhiên không ghi mức lãi suất. Sau đó anh Ê giao chìa khóa cùng xe ô tô BKS 88A-176.47 cho H và nhận 120.000.000đ rồi ra về. Khi đến hạn trả nợ, H gọi điện thoại cho anh Ê yêu cầu trả nợ thì Ê xin khất nợ. Đến ngày 26/9/2019, anh Ê đến gặp H thỏa thuận tính tiền lãi từ khi vay đến ngày 26/9/2019 để anh Ê lo trả lãi trước, còn tiền gốc thì hẹn đến ngày 05/10/2019 sẽ trả được H đồng ý. Sau khi tính toán, H nói với anh Ê tiền lãi từ ngày 09/7/2019 đến ngày 26/9/2019 là 37.440.000đ nhưng H chỉ lấy 37.000.000đ. Sau đó anh Ê bảo H là viết lại giấy vay tiền đề ngày 26/9/2019 nội dung chốt tiền lãi và tiền gốc đến ngày 26/9/2019 rồi hẹn H ngày hôm sau sẽ trả tiền lãi, H đồng ý. Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 27/9/2019, anh Ê đi cùng bạn là anh Trần Văn Luân đến nhà H, anh Ê đưa cho H 37.000.000đ và nói đến ngày 05/10/2019 sẽ trả số tiền gốc rồi yêu cầu H viết biên nhận về việc nhận tiền lãi vào mặt sau giấy vay tiền đề ngày 26/9/2019, H đồng ý. Khi H viết xong giấy biên nhận tiền rồi cầm số tiền anh Ê trả để đếm thì bị Tổ công tác của Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ bao gồm: Thu của H 37.000.000đ (H khai nhận đó là số tiền lãi Ê vừa trả cho H mà có); 01 giấy vay tiền đề ngày 26/9/2019 do H vừa viết biên nhận về việc nhận khoản tiền lãi Ê trả và xe ô tô BKS 88A-176.47. Sau đó Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lương Thị H.

Trong ngày 27/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Thị H tại xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình khám xét thu giữ tại kết sắt của H gồm 10 giấy vay tiền, trên toàn bộ các giấy vay tiền chỉ ghi số tiền vay, không ghi lãi suất, cụ thể: 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 28/12/2018, người vay là Nguyễn Văn U ở thôn Đông, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 110.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 13/7/2019, người vay là Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985, trú tại thành phố I, vay số tiền là 160.000.000đ, để lại xe ô tô BKS 19A-126.22; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 13/7/2019, người vay là Đỗ Tiến H ở thôn Đồng Sắn, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 20.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 20/8/2019, người vay là Đỗ Tiến H ở thôn Đồng Sắn, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 10.000.000đ; 01 (một) giấy vay

tiền ghi ngày 06/9/2019, người vay là Phùng Thị D, sinh năm 1987 ở thôn Nam, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 50.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 22/9/2019, người vay là Phùng Thị D, sinh năm 1987 ở thôn Nam, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 10.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 03/9/2019, người vay là Lương Xuân X ở xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 390.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 23/9/2019, người vay là Lương Xuân X ở xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 500.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 27/9/2019, người vay là Lương Văn B ở xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 40.000.000đ; 01 (một) giấy vay tiền ghi ngày 01/9/2019, người vay là Lê Văn S ở thôn Đông, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vay số tiền là 815.000.000đ và 10.200.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Ngoài ra Lương Thị H còn tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 740000, chủ sở hữu là ông Phùng Văn U' và bà Chu Thị Thu đều ở xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 217115, chủ sở hữu là ông Bùi Văn O ở xã E, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 giấy cam kết vay tiền có nội dung Lê Kế Ê vay của Lương Thị H số tiền 120.000.000đ từ ngày 09/7/2019 đến ngày 15/7/2019 có để lại xe ô tô BKS 88A-176.47 mượn của anh Đặng O và 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 19A003640 mang tên Lương Thị H. Ngày 27/9/2019, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà ở của Lương Thị H 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn trắng BKS 19A-126.22.

Quá trình điều tra đã xác định:

- Đối với số tiền 37.000.000đ thu giữ của Lương Thị H, quá trình điều tra xác định đó là số tiền anh Lê Kế Ê trả tiền lãi cho H từ ngày 09/7/2019 đến ngày 26/9/2019 của khoản vay 120.000.000đ.

- Đối với giấy vay tiền ghi ngày 13/7/2019, người vay là Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985, trú tại: Phường Y, thành phố I, vay số tiền là 160.000.000đ của Lương Thị H, để lại xe ô tô BKS 19A-126.22. Quá trình điều tra xác định: Ngày 13/7/2019, do có nhu cầu cần tiền để giải quyết việc cá nhân, anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985, trú tại: Tổ 44, phường Y, thành phố I, tỉnh I đến nhà Lương Thị H đặt vấn đề cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, BKS 19A-126.22. Sau khi thỏa thuận, H đồng ý cho anh Đ cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, BKS 19A-126.22 vay 100.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/ngày, H cắt lãi luôn 10 ngày là 5.000.000đ. Sau đó H yêu cầu anh Đ viết giấy vay tiền ghi nội dung vay của H 100.000.000đ để lại xe ô tô BKS 19A-126.22, không ghi mức lãi suất rồi anh Đ và H ký vào giấy vay tiền đưa H giữ. H đưa cho anh Đ 95.000.000đ rồi anh Đ ra về. Ngày 14/7/2019, anh Đ lại đến gặp H đặt vấn đề muốn vay thêm số tiền 60.000.000đ, H đồng ý và thỏa thuận với anh Đ mức lãi suất

5.000đ/triệu/ngày, H sẽ cắt lãi luôn 10 ngày là 3.000.000đ. Sau đó, H yêu cầu anh Đ viết vào giấy vay tiền ngày 13/7/2019 là vay thêm 60.000.000đ rồi H đưa cho anh Đ vay 57.000.000đ. Đến nay anh Đ chưa trả số tiền lãi những ngày tiếp theo và tiền gốc cho H. Như vậy trong hai ngày 13/7/2019 và 14/7/2019, H cho anh Đ vay 160.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương mức lãi suất là 182,5%/năm), cao gấp 9,12 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự quy định. H đã thu tiền lãi của anh Đ 10 ngày là 8.000.000đ, thu lợi bất chính là 7.123.300đ (sau khi trừ đi số tiền 876.700đ tương ứng với 20% lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự).

- Đối với giấy vay tiền ghi ngày 28/12/2018, người vay là Nguyễn Văn U vay của Lương Thị H 110.000.000đ. Quá trình điều tra xác định: Ngày 28/12/2018, Lương Thị H cho anh Nguyễn Văn U vay 110.000.000đ, với lãi suất là 20%/năm và trả lãi hàng tháng, anh U không thế chấp tài sản gì. Sau khi vay tiền, hàng tháng anh U trả tiền lãi đầy đủ cho H theo thỏa thuận. Ngày 20/7/2019, anh U đã trả cho H 30.000.000đ tiền gốc và ngày 06/10/2019, trả 80.000.000đ tiền gốc cùng tiền lãi theo thỏa thuận. Mức lãi suất H cho anh U vay bằng mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó hành vi của H trong giao dịch này không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với 01 giấy vay tiền ghi ngày 13/7/2019 vay số tiền là 20.000.000đ và 01 giấy vay tiền ghi ngày 20/8/2019 vay số tiền là 10.000.000đ, đều ghi người vay là Đỗ Tiến H ở thôn Đồng Sấn, xã R, thành phố V. Quá trình điều tra xác định: Ngày 13/7/2019 và ngày 20/8/2019, Lương Thị H có cho anh H vay tổng số là 30.000.000đ, với lãi suất là 20%/năm, tiền lãi trả hàng tháng. Đầu tháng 10/2019, anh H đã trả cho H 30.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Mức lãi suất H cho anh H vay bằng mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó hành vi của H trong các giao dịch này không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với 01 giấy vay tiền ghi ngày 01/9/2019, người vay là Lê Văn S ở thôn Đông, xã R, thành phố V vay số tiền là 815.000.000đ. Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 7/2019 đến ngày 01/9/2019, Lương Thị H cho anh Lê Văn S vay 03 lần với tổng số 815.000.000đ (lần 1 là đầu tháng 7/2019 cho vay 450.000.000đ; lần 2 là đầu tháng 8/2019 cho vay 150.000.000đ và ngày 01/9/2019 cho vay là 215.000.000đ) đều với lãi suất là 1,5%/tháng (tương đương với lãi suất 18,25%/năm), anh Sơn có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh S. Các lần H cho anh Sơn vay tiền đều yêu cầu viết giấy, đến ngày 01/9/2019 H bảo anh S viết tổng số tiền nợ là 815.000.000đ và hủy bỏ 02 giấy vay tiền trước đó. Ngày 22/9/2019, anh Sơn đã trả đầy đủ tiền

gốc và tiền lãi theo thỏa thuận cho H và H đã trả lại anh Sơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn giấy vay tiền H quên chưa hủy bỏ. Mức lãi suất H cho anh Sơn vay như mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên hành vi của H trong các giao dịch này không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với 01 giấy vay tiền ghi ngày 06/9/2019 vay số tiền là 50.000.000đ và 01 giấy vay tiền ghi ngày 22/9/2019, vay số tiền là 10.000.000đ, người vay đều là Phùng Thị D. Quá trình điều tra xác định: Ngày 06/9/2019, Lương Thị H cho chị D vay số tiền 50.000.000đ và ngày 22/9/2019, H cho chị D vay số tiền 10.000.000đ, với lãi suất đều là 20%/năm, tiền lãi thanh toán hàng tháng và chị D không phải thế chấp tài sản gì. Đến nay, chị D đã trả tiền lãi theo thỏa thuận cho H còn tiền gốc chưa trả. Mức lãi suất H cho chị D vay bằng mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên hành vi của H trong các giao dịch này không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với 01 giấy vay tiền ghi ngày 03/9/2019, vay số tiền 390.000.000đ và 01 giấy vay tiền ghi ngày 23/9/2019 vay số tiền 500.000.000đ, đều ghi người vay là Lương Xuân X. Quá trình điều tra xác định: Ngày 03/9/2019, Lương Thị H cho anh Lương Xuân X vay 390.000.000đ và ngày 23/9/2019, H cho anh X vay 500.000.000đ, đều với lãi suất là 1.500đ/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 54,75%/năm), anh X không thế chấp tài sản gì. Sau khi vay, anh X đã trả cho H tiền lãi của 01 tháng còn tiền gốc chưa trả. Mức lãi suất H cho anh X vay ở các giao dịch này là 54,75%/năm, dưới 5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó hành vi của H trong các giao dịch này chưa cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với 01 giấy vay tiền ghi ngày 27/9/2019, người vay là Lương Văn B, vay số tiền là 40.000.000đ. Quá trình điều tra xác định: Ngày 27/9/2019, Lương Thị H cho anh Lương Văn B vay 40.000.000đ, không tính lãi suất và anh B cũng không thế chấp tài sản gì. Ngày 22/11/2019, anh B đã trả cho H số tiền trên.

- Đối với 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 740000, chủ sở hữu là ông Phùng Văn Ư và bà Chu Thị Thu. Quá trình điều tra xác định: Tháng 01/2019, Lương Thị H cho ông Phùng Văn Ư vay 1.400.000.000đ, vợ chồng ông Ư có thế chấp GCNQSDĐ nêu trên, lãi suất vay là 0,9%/tháng (tương đương mức lãi suất 10,95%/năm) và tiền lãi sẽ trả hàng tháng. Sau khi vay, ông Ư đã trả tiền lãi cho H được 08 tháng và ngày 05/10/2019, trả cho H 100.000.000đ tiền gốc, hiện còn 1.300.000.000đ chưa trả.

Mức lãi suất H cho ông U' vay như mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên hành vi của H trong giao dịch này không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 217115, chủ sở hữu là ông Bùi Văn O ở xã E, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra xác định: Tháng 12/2018, Lương Thị H cho anh Bùi Văn O vay 50.000.000đ, với lãi suất là 20%/năm, anh O có thể chấp cho H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và hàng tháng anh O sẽ thanh toán tiền lãi cho H. Sau khi vay tiền, anh O đã trả cho H tiền lãi được 05 tháng, còn các tháng tiếp theo đến nay anh O chưa trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho H. Mức lãi suất H cho anh O vay như mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên hành vi của H trong giao dịch này không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn trắng, BKS 88A-176.47, quá trình điều tra xác định: Tháng 9/2017, anh Dương Văn P, sinh năm 1972, trú tại: Thôn P, xã, huyện A1, tỉnh Vĩnh Phúc mua mới xe ô tô trên và đăng ký mang tên anh Phú để sử dụng phương tiện đi lại. Đầu tháng 7/2019, do bận công việc và ít sử dụng xe ô tô nên anh Phú đã giao xe ô tô trên cho anh Đặng Văn O, sinh năm 1975, trú tại: xã Hương Sơn, huyện A1, tỉnh Vĩnh Phúc là em rể của anh Phú để anh O sử dụng chạy xe taxi. Ngày 09/7/2019, anh O cho anh Lê Kế Ê là anh em quen biết xã hội với anh O mượn xe ô tô trên để đi cầm cố lấy tiền đi chữa bệnh và giải quyết công việc gia đình. Cùng ngày anh Ê đem xe ô tô này đến cầm cố cho Lương Thị H vay số tiền 120.000.000đ, với lãi suất 4.000đ/1 triệu/ngày. Đến ngày 27/9/2019, anh Ê đến trả 37.000.000đ tiền lãi cho H thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền trên cùng xe ô tô BKS 88A-176.47.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn trắng, BKS 19A-126.22, quá trình điều tra xác định: Chị Lê Thị Hương B1, sinh năm 1981, trú tại: Khu 6C, phường C1, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mua mới xe ô tô trên tháng 7/2016 (mua trả góp) rồi đăng ký mang tên chị B1 và sử dụng làm phương tiện đi lại. Đầu tháng 7/2019, chị B1 có cho anh Nguyễn Ngọc Đ (là em chồng chị B1) mượn xe ô tô trên làm phương tiện đi lại. Ngày 13/7/2019, do cần tiền gấp để giải quyết công việc, anh Đ có hỏi chị B1 cho mượn xe ô tô trên để đi cầm cố vay tiền, chị B1 đồng ý. Trong các ngày 13 và 14/7/2019, anh Đ đem xe ô tô BKS 19A-126.22 cầm cố cho Lương Thị H vay 2 lần tổng số tiền 160.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Ngày 27/9/2019, khi H bị Cơ quan điều tra bắt quả tang về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quá trình khám xét H đã tự nguyện giao nộp xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra.

Đối với số tiền 10.200.000đ thu giữ tại kết sắt của Lương Thị H, quá trình điều tra xác định là tiền do H kinh doanh mà có, không liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS- P3 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Lương Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có quan điểm luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lương Thị H từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Cấm bị cáo Lương Thị H hành nghề cầm cố thời hạn từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Truy thu của anh Lê Kế Ê số tiền 120.000.000đ do Lương Thị H cho anh Ê vay là khoản tiền H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được trừ đi 31.871.200đ Lương Thị H đã thu lợi bất chính của anh Ê.

- Truy thu của anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 160.000.000đ mà Lương Thị H cho anh Đ vay là khoản tiền H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được trừ đi 7.123.300đ do Lương Thị H đã thu lợi bất chính của anh Đ.

- Tịch thu của Lương Thị H 7.123.300đ là khoản tiền H thu lợi bất chính của anh Nguyễn Ngọc Đ (lấy từ số tiền 10.200.000đ thu giữ của Lương Thị H khi khám xét khẩn cấp).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 6.005.500đ thu giữ của Lương Thị H (là khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự) là khoản tiền H có được do cho anh Lê Kế Ê và anh Nguyễn Ngọc Đ vay lãi nặng mà có.

- Trả lại cho anh Lê Kế Ê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn trắng, BKS 88A-176.47 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Đ xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn trắng, BKS 19A-126.22 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Lương Thị H: 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 217115, chủ sở hữu là ông Bùi Văn O và 01 giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 740000, chủ sở hữu là ông Phùng Văn Ư và bà Chu Thị Thu.

- Trả lại cho Lương Thị H 2.200.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Lương Thị H hoàn toàn đồng ý với tội danh và điều luật áp dụng do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét quyết định hình phạt thấp nhất theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lương Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hình thức thực hiện tội phạm cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ mục đích tư lợi, trong thời gian từ ngày 09/7/2019 đến ngày 14/7/2019, tại nhà ở của Lương Thị H ở xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Lương Thị H đã cho anh Lê Kế Ê vay 120.000.000đ với lãi suất là 4.000đ/1 triệu/1 ngày (mức lãi suất là 146%/năm), thu lợi bất chính 31.871.200đ và cho anh Nguyễn Ngọc Đ vay số tiền 160.000.000đ, với lãi suất là 5.000đ/1 triệu/1 ngày (mức lãi suất là 182,5%/năm), thu lợi bất chính 7.123.300đ. Tổng số tiền Lương Thị H thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 38.994.500đ.

Hành vi cho vay tiền để lấy lãi vượt quá lãi suất do pháp luật quy định của bị cáo Lương Thị H thực hiện đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét về tính chất mức độ thực hiện tội phạm cũng như số tiền thu lợi bất chính và hậu quả xảy ra thì hành vi nêu trên do bị cáo Lương Thị H thực hiện đã phạm vào khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động tài chính, ngân hàng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng chính sách tiền tệ của Nhà nước. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương và làm gương cho người khác.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, số tiền được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lương Thị H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Sau khi cân nhắc, xem xét tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào; số tiền thu lợi không lớn; có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục riêng, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 120.000.000đ do Lương Thị H đã cho anh Lê Kế Ê vay là khoản tiền H sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy cần buộc anh Lê Kế Ê phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước được trừ đi 31.871.200đ Lương Thị H đã thu lợi bất chính của anh Ê.

- Đối với số tiền 160.000.000đ do Lương Thị H đã cho anh Nguyễn Ngọc Đ vay là khoản tiền H sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy cần buộc anh Nguyễn

Ngọc Đ phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ đi 7.123.300đ do Lương Thị H đã thu lợi bất chính của anh Đ.

- Đối với số tiền 7.123.300đ là khoản tiền H thu lợi bất chính của anh Nguyễn Ngọc Đ (lấy từ số tiền 10.200.000đ thu giữ của Lương Thị H khi khám xét khẩn cấp) cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 6.005.500đ thu giữ của Lương Thị H (là khoản tiền lãi tương ứng 20%/năm theo quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự) là khoản tiền H có được do cho anh Lê Kế Ê và anh Nguyễn Ngọc Đ vay lãi nặng mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với xe ô tô BKS 88A-176.47 cần trả lại cho anh Lê Kế Ê nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe ô tô BKS 19A-126.22 trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 217115, chủ sở hữu là ông Bùi Văn O và 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 740000, chủ sở hữu là ông Phùng Văn U và bà Chu Thị Thu cần trả lại cho bị cáo Lương Thị H vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

- Đối với số tiền 2.200.000đ cần trả lại cho bị cáo Lương Thị H nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy vì mục đích tư lợi bị cáo Lương Thị H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên cần phải áp dụng hình phạt tiền là phù hợp. Tuy nhiên căn cứ vào điều kiện hiện nay bị cáo là lao động tự do, nghề nghiệp không ổn định không có thu nhập nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo là phù hợp.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Lương Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lương Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lương Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 27/9/2019 đến ngày 04/10/2019, do vậy thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo Lương Thị H phải chấp hành là 08 tháng 06 ngày. Thời hạn cải tạo

không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm giám sát, giáo dục nhận được bản án, trích lục hoặc quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lương Thị H cho Ủy ban nhân dân xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015: Cấm bị cáo Lương Thị H hành nghề kinh doanh cầm đồ thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Truy thu của anh Lê Kế Ê số tiền 120.000.000đ do Lương Thị H cho anh Ê vay là khoản tiền H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước được trừ đi 31.871.200đ Lương Thị H đã thu lợi bất chính của anh Ê. Do vậy số tiền còn lại anh Lê Kế Ê phải nộp để sung quỹ Nhà nước là 88.128.800đ.

- Truy thu của anh Nguyễn Ngọc Đ số tiền 160.000.000đ mà Lương Thị H cho anh Đ vay là khoản tiền H sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước được trừ đi 7.123.300đ do Lương Thị H đã thu lợi bất chính của anh Đ. Do vậy số tiền còn lại anh Nguyễn Ngọc Đ phải nộp để sung quỹ Nhà nước là 152.876.700đ.

- Tịch thu của Lương Thị H 7.123.300đ là khoản tiền H thu lợi bất chính của anh Nguyễn Ngọc Đ (lấy từ số tiền 10.200.000đ thu giữ của Lương Thị H khi khám xét khẩn cấp).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 6.005.500đ thu giữ của Lương Thị H là khoản tiền H có được do cho anh Lê Kế Ê và anh Nguyễn Ngọc Đ vay lãi nặng mà có.

- Trả lại cho anh Lê Kế Ê xe ô tô BKS 88A-176.47 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Đ xe ô tô BKS 19A-126.22 nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Lương Thị H: 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 217115, chủ sở hữu là ông Bùi Văn O và 01 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 740000, chủ sở hữu là ông Phùng Văn U và bà Chu Thị Thu vì không liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

- Trả lại cho Lương Thị H 2.200.000đ nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng trả lại chỉ bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tịch thu sung quỹ nhà nước có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa cơ quan Công an và Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc)

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lương Thị H phải chịu 200.000đ.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Duy Sơn